

CÁC DÂN TỘC TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

Việt Nam - Tổ quốc của nhiều dân tộc. Các dân tộc cùng là con cháu của Lạc Long Quân - Âu Cơ, nở ra từ trăm trứng, nửa theo mẹ lên núi, nửa theo cha xuống biển, cùng mở mang gây dựng non sông "Tam sơn, tứ hải, nhất phần điền", với rừng núi trùng điệp, đồng bằng sỏi cánh cò bay và biển Đông bốn mùa sóng vỗ; bờ cõi liền một dải từ chòm Lũng Cú (Bắc) đến xóm Rạch Tàu (Nam), từ đỉnh Trường Sơn (Tây) đến quần đảo Trường Sa (Đông).

Danh sách các dân tộc Việt Nam

Cùng chung sống lâu đời trên một đất nước, các dân tộc có truyền thống yêu nước, đoàn kết giúp đỡ nhau trong chinh phục thiên nhiên và đấu tranh xã hội, suốt quá trình lịch sử dựng nước, giữ nước và xây dựng phát triển đất nước.

Lịch sử chinh phục thiên nhiên là bài ca hùng tráng, thể hiện sự sáng tạo và sức sống mãnh liệt, vượt lên mọi trở ngại thích ứng với điều kiện tự nhiên để sản xuất, tồn tại và phát triển của từng dân tộc. Với điều kiện địa lý tự nhiên (địa mạo, đất đai, khí hậu...) khác nhau, các dân tộc đã tìm ra phương thức ứng xử thiên nhiên khác nhau.

Ở đồng bằng và trung du, các dân tộc làm ruộng, cấy lúa nước, dựng nên nền văn hóa xóm làng với trung tâm là đình làng, giếng nước cây đa, bao bọc bởi lũy tre xanh gai góc đầy sức sống dẻo dai. Đồng bằng, nghề nông, xóm làng là nguồn cảm hứng, là 'bột' của những tấm áo mớ ba mớ bảy, của dải yếm đào cùng nón quai thao, của làn điệu dân ca quan họ khoan thai mượt mà và của khúc dân ca Nam Bộ ngân dài chan chứa sự menh mông của đồng bằng sông Cửu Long. ở vùng thấp của miền núi, các dân tộc trồng lúa nước kết hợp sản xuất trên khô để trồng lúa nương, trồng ngô, bước đầu trồng các cây công nghiệp lâu năm (cây hồ, cây quế...), thay thế cho rừng tự nhiên. Họ sống trên những nếp nhà sàn, mặc quần, váy, áo màu chàm với nhiều mô típ hoa văn mô phỏng hoa rừng, thú rừng. Đồng bào có tục uống rượu cần thể hiện tình cảm cộng đồng sâu sắc. Người uống ngày ngắt bởi hơi men và đắm say bởi tình người.

Ở vùng cao Việt Bắc, Tây Nguyên, đồng bào chọn phương thức phát rừng làm rẫy - là cách ứng xử thiên nhiên ở thời đại tiền công nghiệp. Vùng cao, khí hậu á nhiệt đới, việc trồng trọt chủ yếu thực hiện trong mùa hè thu. Để tranh thủ thời tiết và quay vòng đất, từ ngàn xưa người vùng cao đã phát triển xen canh gối vụ, vừa tăng thu nhập vừa bảo vệ đất khỏi bị xói mòn bởi những cơn mưa rào mùa hạ. Bàn tay khéo léo và tâm hồn thẩm mỹ của các cô gái đã tạo ra những bộ trang phục: váy, áo với những hoa văn sắc sỡ hài hòa về màu sắc, đa dạng về mô típ, mềm mại về kiểu dáng, thuận cho lao động trên nương, tiện cho việc đi lại trên đường đèo dốc. Núi rừng hoang sơ cùng với phương thức canh tác lạc hậu là mảnh đất phát sinh và phát triển các lễ nghi đầy tính thần bí, huyền ảo. Hầu hết các cư dân Tây Nguyên đều có tục đâm trâu làm lễ cúng Giàng (trời), cầu xin sự phù hộ của Giàng cho người sức khỏe, cho gia súc và cho mùa màng bội thu. Đây cũng là vùng tiềm ẩn nhiều truyện thần thoại, nhiều sử thi anh hùng mà giá trị của nó có thể so sánh được các truyện thần thoại của Trung Quốc, Ấn Độ nhưng chưa được sưu tầm và nghiên cứu đầy đủ. Đồng bào là chủ nhân sáng tạo ra những bộ đàn đá, đàn Trưng, đàn Krông pút... những bộ công chiêng và những điệu múa tập thể dân dã, khỏe khoắn kết bó cộng đồng. Dọc theo bờ biển từ Bắc vào Nam, các dân tộc sống bằng nghề chài lưới. Cứ sáng sáng đoàn thuyền của ngư dân giăng buồm ra khơi, chiều lại quay về lộng. Cuộc sống ở đây cũng nhộn nhịp, khẩn trương như nông dân trên đồng ruộng ngày mùa.

Ở khắp nơi, con người hòa nhập vào thiên nhiên, thiên nhiên cũng biết chiều lòng người, không phụ công sức người.

Sống trên mảnh đất Đông Dương - nơi cửa ngõ nối Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo, Việt Nam là nơi giao lưu của các nền văn hóa trong khu vực. Ở đây có đủ 3 ngữ hệ lớn trong khu vực Đông Nam Á, ngữ hệ Nam đảo và ngữ hệ Hán - Tạng. Tiếng nói của các dân tộc Việt Nam thuộc 8 nhóm ngôn ngữ khác nhau.

Nhóm **Việt - Mường** có 4 dân tộc là: Chứt, Kinh, Mường, Thổ.

Nhóm **Tày - Thái** có 8 dân tộc là: Bô Y, Giáy, Lào, Lự, Nùng, Sán Chay, Tày, Thái.

Nhóm **Môn-Khmer** có 21 dân tộc là: Ba na, Brâu, Bru-Vân kiều, Chơ-ro, Co, Cơ-ho, Cơ-tu, Cơ-tu, Gié-triêng, Hrê, Kháng, Khmer, Khơ mú, Mạ, Mảng, M'Nông, Ó-đu, Rơ-măm, Tà-ôi, Xinh-mun, Xơ-đăng, Xtiêng.

Nhóm **Mông - Dao** có 3 dân tộc là: Dao, Mông, Pà thên.

Nhóm **Kadai** có 4 dân tộc là: Cờ lao, La chí, La ha, Pu péo.

Nhóm **Nam đảo** có 5 dân tộc là: Chăm, Chu-ru, Ê đê, Gia-rai, Ra-glai.

Nhóm **Hán** có 3 dân tộc là: Hoa, Ngái, Sán diu.

Nhóm **Tạng** có 6 dân tộc là: Cống, Hà Nhì, La hủ, Lô lô, Phù lá, Si la.

Mặc dù tiếng nói của các dân tộc thuộc nhiều nhóm ngôn ngữ khác nhau, song do các dân tộc sống rất xen kẽ với nhau nên một dân tộc thường biết tiếng các dân tộc có quan hệ hàng ngày, và dù sống xen kẽ với nhau, giao lưu văn hóa với nhau, nhưng các dân tộc vẫn lưu giữ được bản sắc văn hóa riêng của dân tộc mình. Ở đây cái đa dạng của văn hóa các dân tộc được thống nhất trong qui luật chung - qui luật phát triển đi lên của đất nước, như cái riêng thống nhất trong cái chung của cấp phạm trù triết học.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với tổng số 54 dân tộc. Dân tộc Việt (Kinh) chiếm 87% dân số cả nước, sống tập trung chủ yếu trong vùng châu thổ sông Hồng, các đồng bằng ven biển miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long và các thành phố lớn. 53 dân tộc khác, tổng cộng hơn 8 triệu người, phân bố chủ yếu trên các vùng núi (chiếm 2/3 lãnh thổ) trải dài từ Bắc vào Nam .

Trong số các dân tộc thiểu số, đông nhất là Tày, Thái, Mường, Hoa, Khơ-me, Nùng... mỗi dân tộc trên dưới một triệu người; nhỏ nhất là Brau, Romam, O-du chỉ vài trăm người.

Dân tộc Việt ngay từ thế kỷ thứ 10 đã thiết lập được một nền quân chủ tập trung. Người Chăm đã từng sớm có một nền văn hoá rực rỡ. Người Tày, Nùng và Khơ-me đã đạt đến một giai đoạn phát triển cao với sự xuất hiện các tầng lớp xã hội khác nhau. Người Mường, Mông, Dao, Thái... tập trung dưới quyền giám hộ của tù trưởng địa phương. Nhiều dân tộc còn chia thành đẳng cấp, đặc biệt là các bộ tộc sống trên các vùng núi.

Một số dân tộc ít người đã biết các kỹ thuật canh tác khá thành thục. Họ đã sớm canh tác lúa trên ruộng ngập nước và tiến hành tưới tiêu. Số khác tiến hành săn bắn, đánh cá, hái lượm và sống bán du mục. Mỗi nhóm dân tộc đều có nền văn hoá riêng biệt, giàu có và độc đáo. Tín ngưỡng và tôn giáo của các dân tộc cũng hết sức khác biệt.

Tuy nhiên, bên trên của sự khác biệt này đã hình thành sự đoàn kết căn bản giữa các dân tộc, kết quả của một quá trình hợp tác qua nhiều thế kỷ trên cùng mảnh đất Việt Nam. Ngay từ thế kỷ đầu tiên của thời kỳ lịch sử, đã hình thành quá trình bổ sung lẫn nhau trong quan hệ kinh tế giữa nhân

dân đồng bằng và các dân tộc miền núi. Tình đoàn kết này không ngừng được củng cố qua các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm để bảo vệ Tổ quốc. Thông qua cuộc đấu tranh chung để bảo vệ và xây dựng đất nước và quá trình hỗ trợ lẫn nhau để tồn tại và phát triển, một cộng đồng chung giữa người Việt và các dân tộc ít người đã hình thành và không ngừng được củng cố và phát triển.

Tuy vậy, trên thực tế còn tồn tại một khoảng cách rõ rệt về đời sống vật chất và tinh thần giữa các dân tộc vùng đồng bằng và miền núi cũng như giữa các dân tộc ít người. Chính phủ Việt Nam đã đưa ra nhiều chính sách cụ thể và những ưu đãi đặc biệt để giúp đỡ đồng bào miền núi đuổi kịp miền xuôi, đồng thời cố gắng phát triển và gìn giữ bản sắc văn hoá truyền thống của mỗi dân tộc. Hiện nay, các chương trình cung cấp muối iốt cho các bản, làng xa xôi; chương trình cung cấp trang bị các trạm y tế - vệ sinh trong mỗi làng; chương trình chống sốt rét; chương trình xây dựng các trường học miễn phí cho trẻ em các dân tộc ít người; chương trình định canh định cư; các dự án nghiên cứu tạo chữ viết cho các dân tộc, tìm hiểu và phát triển văn hoá truyền thống của mỗi dân tộc... đã thu được những kết quả tốt.